

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HN-ST

Ngày: 28 - 5 - 2019

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quang V, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp P1, xã P2, huyện L, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà T, Khóm B1, Phường B2, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Quang V trình bày:

Ông V và bà Lê Thị Thúy D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, do bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Ông V yêu

cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông V với bà D.

Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Tú Q, sinh ngày 21/8/2010, đang do ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng con chung. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Lê Thị Thúy D: Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà D gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông V có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và bà D vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông V là người có quyền khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông V xác định chung sống như vợ chồng với bà D không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2013, do bất đồng trong cuộc sống, nay không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ông V với bà D. Bà D không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông V, bà D không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông V. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Quan hệ vợ chồng được xác lập với sự tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông V, bà D không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ông V và bà D.

[3] Về con chung: Tòa án đã thu thập ý kiến cháu Ngô Tú Q thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng cha là ông V. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Q thực tế đang do ông V trực tiếp nuôi dưỡng, nên giao ông V tiếp tục nuôi dưỡng

cháu Q là phù hợp. Ông V không yêu cầu bà D cấp dưỡng con chung, nên không buộc bà D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Ông V nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang V.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ông Ngô Quang V và bà Lê Thị Thúy D.

Con chung: Buộc bà Lê Thị Thúy D giao ông Ngô Quang V nuôi dưỡng một con chung tên Ngô Tú Q, sinh ngày 21/8/2010. Bà Lê Thị Thúy D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc ông Ngô Quang V nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004403 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Ngô Quang V không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

